|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆSố: /TTr-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hà Nội, ngày tháng năm 2024 |

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng

Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Chương trình công tác của Chính phủ năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ hồ sơ Đề nghị xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 (Luật KH&CN 2013) được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/6/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 bao gồm 11 chương, 81 điều. Luật KH&CN 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Trong hơn 10 năm qua, Luật KH&CN 2013 đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cơ bản và quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN. Đây là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN; phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức KH&CN công lập trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm; thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN; đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; chuyển các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phương thức khoán chi trong nghiên cứu khoa học; phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ trong lĩnh vực KH&CN; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân lực, nhân tài KH&CN; thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước; tích cực và chủ động mở rộng hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST). Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của lực lượng KH&CN, những năm qua, KH&CN đã có những bước tiến tích cực, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Các thành tựu nổi bật, đóng góp của nền KH&CN vào phát triển nhanh và bền vững đất nước được minh chứng thông qua các con số thống kê sau đây:

(1) Chỉ số đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên 45,2% giai đoạn 2016-2020;

(2) Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm (cao hơn mức 4,3%/năm của giai đoạn 2011-2015);

(3) Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá tăng từ 19% năm 2010 lên khoảng 50% năm 2020;

(4) Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 54/100 quốc gia[[1]](#footnote-1) trong bảng xếp hạng về hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu; năm 2023 đứng thứ 46/132 quốc gia[[2]](#footnote-2) về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII);

(5) Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (KNST) Việt Nam bắt đầu được hình thành và phát triển, hết năm 2023, cả nước có khoảng 3.100 doanh nghiệp KNST (startup) đang hoạt động; hơn 200 không gian làm việc chung; 84 cơ sở ươm tạo (43 trường thành lập vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ hỗ trợ khởi nghiệp, 41 vườn ươm thuộc tư nhân); 35 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 208 quỹ đầu tư mạo hiểm với 40 quỹ đầu tư nội địa, 03 kỳ lân công nghệ với tổng vốn đầu tư mạo hiểm 494 triệu USD, 138 trường đại học, học viện, cao đẳng tổ chức các hoạt động hỗ trợ KNST. Hệ sinh thái KNST Việt Nam từng bước thu hút được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư, đặc biệt từ nguồn ngoài nước.

(6)Số lượng bài báo công bố quốc tế[[3]](#footnote-3) của Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 tăng trung bình 20%. Giai đoạn 2017-2022, tổng số bài báo của Việt Nam đăng trên tạp chí quốc tế là 83.539 bài, trong đó, năm 2022 đã tăng gần gấp ba lần so với đầu giai đoạn, từ 6.734 bài lên 18.587 bài, với tốc độ tăng trung bình trong cả giai đoạn là 29,33%. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên như: Toán học, Vật lý, Hóa học tiếp tục giữ thứ hạng cao trong khu vực ASEAN.

(7) Khoảng 10 năm trước đây, kinh phí hoạt động KH&CN chủ yếu dựa vào NSNN (chiếm khoảng 70-80% tổng đầu tư cho KH&CN), thì đến nay đầu tư cho KH&CN từ NSNN và từ doanh nghiệp đã tương đối cân bằng với tỷ lệ tương ứng là 52% và 48%. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã tiên phong trong đầu tư, ứng dụng KH&CN.

(8) Trong giai đoạn 2016-2020, tổng số đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của người nộp đơn có quốc tịch Việt Nam là 3.882 đơn, gấp 1,2 lần giai đoạn 2011-2015. Theo thống kê của WIPO, năm 2021, trong khu vực ASEAN, Việt Nam vẫn duy trì được vị trí thứ 3 cả về tổng số đơn đăng ký sáng chế và về số lượng đơn đăng ký sáng chế do người dân trong nước nộp, sau Singapore và Indonesia. Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người Việt Nam liên tục tăng trong nhiều năm qua, chẳng hạn trong giai đoạn 5 năm 2017-2021 tăng 80% (từ 592 đơn lên 1.066 đơn).

Với các tiến bộ trong cơ chế quản lý, tăng cường đầu tư cho tiềm lực và trình độ KH&CN, lực lượng KH&CN đã thực sự đồng hành cùng các cấp, các ngành và địa phương để bám sát thực tiễn, đóng góp ngày càng thiết thực hơn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Luật KH&CN2013 được ban hành trong bối cảnh đất nước ta mới trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) chưa lâu, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật nhưng mới chỉ dừng ở nguyên tắc chung. Sau 10 năm triển khai, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Luật được ban hành từ năm 2013 nên không thể tránh khỏi việc chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây.

**1. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước**

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật KH&CN (sửa đổi), cụ thể như sau:

1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH,CN&ĐMST

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo: *“Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững”.*

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững”.*

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định KH,CN&ĐMST cùng với phát triển toàn diện nguồn nhân lực là một trong các đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Về quan điểm phát triển: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”*. Về đột phá chiến lược: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.”*. Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.”*

c) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định*: “Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất kinh doanh”; “Rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.”*

d) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo*; *Hoàn thiện* *các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo*.”

đ) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cácbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.”*

e) Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức; đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; chú trọng hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức tiên tiến. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học; nghiên cứu, sửa đổi tuổi lao động phù hợp với hoạt động của đội ngũ trí thức. Đổi mới, nâng cao hiệu quả việc đánh giá, công nhận các chức danh khoa học; rà soát, hoàn thiện hệ thống giải thưởng nhà nước, giải thưởng ngành, lĩnh vực và các chính sách tôn vinh khác đối với đội ngũ trí thức.”*

g) Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định một trong sáu nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện là: *“Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ”.*

h) Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đấu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”.*

Ngoài các văn bản nêu trên, nhiều Nghị quyết của Đảng liên quan đến đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, sắp xếp và nâng cao tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST cần được tiếp tục thể chế hóa trong nội dung của Luật KH&CN (sửa đổi).

1.2. Nội dung KH,CN&ĐMST trong chính sách, pháp luật của Nhà nước

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

*“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.*

*3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”*

b) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*

**2. Các bất cập, hạn chế trong quy định của Luật KH&CN 2013**

*Thứ nhất,* sau 10 năm triển khai thi hành Luật KH&CN 2013, bối cảnh trong nước và quốc tế đã có nhiều thay đổi, tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Luật được ban hành từ năm 2013 nên không thể tránh khỏi việc chưa cập nhật được những vấn đề mới khi KH&CN trong nước và thế giới phát triển quá nhanh, nhất là trong khoảng 5 năm gần đây.

*Thứ hai,* một số vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hoạt động KH&CN, đặc biệt là hoạt động ĐMST, cũng như các quan hệ kinh tế - xã hội liên quan tới phát triển lĩnh vực này chưa được cập nhật để điều chỉnh một cách kịp thời, đồng bộ.

*Thứ ba,* một số nội dung trong Luật KH&CN 2013 mới dừng ở nguyên tắc chung, chưa được xác định một cách cụ thể, dẫn đến khó hoặc chậm đi vào cuộc sống.

*Thứ tư*, trong thời gian từ năm 2013 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó có nhiều nội dung về thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST cần được thể chế hóa đầy đủ vào Luật KH&CN (sửa đổi).

*Thứ năm*, khi xây dựng Luật KH&CN 2013, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Vấn đề liên quan tới doanh nghiệp - chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động đổi mới sáng tạo - ứng dụng, thương mại hóa kết quả KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, tạo ra giá trị gia tăng và của cải, vật chất cho xã hội dù đã được đề cập trong Luật nhưng mới chỉ dừng ở nguyên tắc chung.

Trong giai đoạn hiện nay, các chủ thể tham gia phát triển và ứng dụng KH&CN có sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN), ngày càng xuất hiện nhiều nguồn lực đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Các vấn đề mới phát sinh nêu trên cùng với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật KH&CN 2013 và các quy định của pháp luật có liên quan đòi hỏi phải tiến rà soát, nghiên cứu và sửa đổi toàn diện các quy định của Luật KH&CN 2013.

Các bất cập của Luật KH&CN 2013 bắt nguồn từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, sau 10 năm triển khai, Đất nước có nhiều tiến bộ về kinh tế - xã hội. Đất nước ta đã hội nhập sâu rộng hơn, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ WTO, AFTA, CPTPP, EVFTA… Trong giai đoạn mới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, Chính phủ số đặt ra nhiều thách thức về mô hình quản lý KH,CN&ĐMST.

 *Thứ hai,* trong quá trình 10 năm thực thi, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các lĩnh vực/các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ), hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học (Luật Giáo dục đại học) và một phần hoạt động khởi nghiệp sáng tạo (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong đó, nhiều quy định chưa đồng bộ trong nội dung Luật KH&CN 2013.

*Thứ ba*, Luật KH&CN 2013 được ban hành vào thời điểm việc thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ trong doanh nghiệp mới ở giai đoạn đầu, có nhiều vấn đề chưa được nhận diện và chưa được quy định cụ thể rõ ràng trong Luật làm căn cứ triển khai đồng bộ, thống nhất.

**3. Yêu cầu thực tiễn cần thiết xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi)**

*Thứ nhất,* nền kinh tế nước ta đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và yếu tố động lực của KH,CN&ĐMST ngày càng rõ nét.

*Thứ hai,* các tác động của hội nhập sâu rộng và toàn diện của Việt Nam trong một thế giới phát triển mạnh mẽ, đột biến, nhất là về KH,CN&ĐMST đòi hỏi các hành lang pháp lý; cơ chế chính sách phải được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn.

*Thứ ba,* các làn sóng công nghệ mới phát triển quá mãnh liệt đòi hỏi các chính phủ vào thế luôn phải sẵn sàng điều chỉnh chính sách và thích ứng; và thực tiễn được thừa nhận chung trên thế giới cho thấy, khu vực công và chính sách quản trị công về KH&CN của các chính phủ luôn đi sau tốc độ phát triển của KH&CN.

*Thứ tư,* trên thực tế, đã xuất hiện nhiều khoảng trống pháp luật, nổi bật là:

- Triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp. liên quan tới an toàn, an ninh quốc gia; sức khỏe, tính mạng của người dân; các thảm họa thiên nhiên đe dọa môi trường sống của con người, các loài động, thực vật và hệ sinh thái.

- Vấn đề đo lường kết quả, đánh giá hiệu quả và tác động của KH&CN phục vụ công tác kế hoạch, điều phối, cấp phát kinh phí cho các hoạt động KH&CN.

- Vấn đề khoa học mở là xu thế được UNESCO khuyến nghị từ năm 2021. Để triển khai thực hiện, cần nghiên cứu giải pháp tăng cường trao đổi thông tin, thông qua hệ thống quản lý và chia sẽ dữ liệu nghiên cứu KH&CN dùng chung.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, quyền con người trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp như một lực lượng chủ lực trong nghiên cứu ứng dụng và đổi mới công nghệ chưa được quan tâm thỏa đáng.

- Vấn đề thúc đẩy hoạt động sáng kiến, sáng tạo của người dân thông qua các hoạt động truyền bá tri thức, nuôi dưỡng văn hóa ĐMST, văn hóa tôn trọng khoa học, văn hóa sở hữu trí tuệ; việc ghi nhận và tôn vinh; các thiết chế thúc đẩy truyền bá, cổ vũ sáng tạo như bảo tàng khoa học chưa có quy định hoặc chỉ dừng ở một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng để triển khai trong thực tiễn.

*Thứ năm,* bên cạnh các khoảng trống pháp luật, còn nhiều điều khoản cản trở trong pháp luật về KH&CN hiện hành ở Việt Nam:

- Vấn đề giao quyền sở hữu kết quả KH&CN có sử dụng NSNN cho cơ quan chủ trì theo cơ chế tự động: Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW và Luật KH&CN 2013 tuyên bố nguyên tắc mở về trao quyền học hỏi theo tinh thần luật Bayh-Dole của Hoa Kỳ 1981 và các nước Nhật Bản, Hàn Quốc. Tuy nhiên, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật KH&CN 2013 những năm qua yêu cầu phải thông qua cơ chế xin phép đại diện chủ sở hữu nhà nước là Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022 đã có quy định về trao tự động quyền đăng ký xác lập quyền đối với kết quả KH&CN là đối tượng quyền sở hữu công nghiệp. Luật KH&CN (sửa đổi) cần nghiên cứu, bổ sung quy định giao quyền sử dụng đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

- Vấn đề đặt hàng nhiệm vụ KH&CN từ các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và trách nhiệm của chính các chủ thể này trong triển khai ứng dụng các kết quả KH&CN trong khi doanh nghiệp là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả KH&CN, biến nó trở thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Vấn đề tập trung nguồn lực chủ yếu cho các chương trình KH&CN để tạo ra tri thức (hệ thống các chương trình KH&CN trọng điểm, chương trình quốc gia về KH&CN, nhiệm vụ cấp bộ, cấp địa phương, cấp cơ sở), nhưng chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực thỏa đáng cho các chương trình ứng dụng tri thức (nhân rộng, thương mại hóa, đổi mới sáng tạo, tiếp cận thị trường, trung gian tư vấn - kết nối, nâng cao năng lực; khởi nghiệp sáng tạo;…) và lan tỏa, truyền bá tri thức.

- Vấn đề phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động KH&CN (trao quyền tự chủ cho tổ chức KH&CN công lập; phân cấp quản lý các chương trình KH&CN quốc gia giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ chuyên ngành; giữa Trung ương và địa phương; kể cả các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp cơ sở ở viện nghiên cứu/trường đại học) cần đi đôi với cơ chế kiểm soát thực hiện quyền một cách hiệu lực, hiệu quả hơn.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

**1. Mục đích**

Xây dựng công cụ pháp luật cơ bản và quan trọng có khả năng tác động một cách tích cực, hiệu lực và hiệu quả tới các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ theo cách tiếp cận toàn diện của hệ thống ĐMST quốc gia, thúc đẩy cả ba chức năng tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơntrong đời sống xã hội và đóng góp cho nhân loại, từ đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, an toàn cho quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đưa KH,CN&ĐMST thực sự trở thành động lực để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đạt mục tiêu kép của quốc gia vào năm 2030[[4]](#footnote-4) và 2045[[5]](#footnote-5) như Đại hội XIII đã đề ra.

**2. Quan điểm**

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST. Đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động KH,CN&ĐMST, nhất là trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN.

- Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**3. Quá trình triển khai xây dựng Luật**

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 377/BKHCN-PC ngày 25/02/2022 đề nghị các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Luật KH&CN 2013.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 2124/BKHCN-PC ngày 06/7/2023 đến các bộ, ngành, địa phương đề nghị báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN 2013. Trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Luật và xây dựng hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi).

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, trao đổi chính sách với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để làm rõ nội dung, các chính sách đề xuất trong Đề nghị xây dựng Luật; tổ chức làm việc trực tiếp, tham quan một số mô hình triển khai hoạt động KH&CN, tài trợ cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Hồ sơ đã được gửi xin ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Công văn số 3383/BKHCN-PC ngày 29/9/2023, đề nghị góp ý trước ngày 15/10/2023) và gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ (từ ngày 29/9/2023 đến ngày 28/10/2023). Ngày 18/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục gửi Công văn số 3717/BKHCN-PC đôn đốc góp ý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật (đề nghị góp ý trước ngày 21/10/2023).

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của 68/96 cơ quan, gồm: 19/30 ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Đại học Quốc gia Hà Nội; 49/63 ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong tổng số 68 ý kiến đã nhận được, có 23 ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.

- Ngày 20/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 3763/BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật. Ngày 30/10/2023, Bộ Tư pháp đã gửi Công văn số 5190/BTP-PLDSKT đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hồ sơ, trong đó đề nghị bổ sung bản chụp và tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính.

- Ngày 04/12/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 4556/BKHCN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật. Ngày 08/12/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2895/QĐ-BTP thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN. Ngày 14/12/2023, Hội đồng thẩm định đã tổ chức họp để cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN.

- Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 287/BCTĐ-BTP ngày 25/12/2023.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (có Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo).

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KH&CN (Tờ trình số 5019/TTR-BKHCN ngày 28/12/2023).

- Tại Thông báo số 48/TB-VPCP ngày 07/02/2024 của Văn phòng Chính phủ, Kết luận của Thường trực Chính phủ: *“Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo xây dựng dự án Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi); giao Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang làm Trưởng Ban Chỉ đạo; đồng thời khẩn trương hoàn thiện các chính sách, hồ sơ Đề nghị xây dựng luật để trình Chính phủ.”*

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Kế thừa có chọn lọc các quy định của Luật KH&CN 2013 và bổ sung hoạt động ĐMST (thực chất là các hoạt động thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa, biến kết quả KH&CN thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, mang lại giá trị gia tăng cho đời sống, xã hội, người dân).

**2. Đối tượng áp dụng**

- Bổ sung đối tượng tham gia hoạt động ĐMST. Bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động KH,CN&ĐMST của các cơ sở giáo dục đại học để thể hiện đúng vai trò là chủ thể chính của hệ thống ĐMST quốc gia trong hoạt động tạo ra tri thức và cung cấp dịch vụ tri thức cho xã hội, doanh nghiệp.

- Chú trọng tới chủ thể thực sự của hoạt động ĐMST là các doanh nghiệp; phát huy vai trò then chốt của doanh nghiệp trong chuỗi hoạt động từ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả KH&CN cho tới sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là kết quả KH&CN; từ đó, có các giải pháp thúc đẩy phù hợp.

- Thiết kế đầy đủ, toàn diện các giải pháp thúc đẩy không chỉ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ như Luật KH&CN 2013 để tạo ra tri thức, mà còn thực sự chú trọng hơn tới các giải pháp thúc đẩy ứng dụng và truyền bá tri thức trong thực tiễn.

- Không phân biệt đối xử công - tư, khuyến khích, thúc đẩy để huy động sự vào cuộc mạnh mẽ hơn của khu vực ngoài công lập, khu vực tư nhân trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

- Chuyển dịch hệ thống ĐMST quốc gia theo hướng thực sự lấy doanh nghiệp là trung tâm, viện/trường là chủ thể nghiên cứu mạnh, đi đôi với việc tái cân đổi nguồn lực cả từ ngân sách nhà nước (NSNN) và nguồn lực xã hội đủ để thực hiện có hiệu quả định hướng chính sách này.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo thuận lợi, hấp dẫn hơn, cạnh tranh được với khu vực và quốc tế, có năng lực thúc đẩy kết nối, hợp tác đối tác mạnh hơn ở trong nước và với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo năng động khác trên thế giới, đạt mục tiêu khuyến khích sự ra đời và phát triển mạnh mẽ hơn các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thế hệ mới, dựa trên công nghệ, có tiềm năng tăng trưởng nhanh, khẳng định được vị trí trên thị trường trong nước và vươn ra quốc tế, có thể trở thành các doanh nghiệp trưởng thành lớn mạnh trong tương lai.

- Nâng cao tiềm lực KH,CN&ĐMST: hoàn thiện chính sách đối với nhân lực KH,CN&ĐMST, tổ chức KH,CN&ĐMST, tài chính cho KH,CN&ĐMST, hạ tầng kỹ thuật cho KH,CN&ĐMST, thông tin KH,CN&ĐMST; thúc đẩy phổ biến và lan tỏa tri thức trong cộng đồng.

- Hoàn thiện quy định về: các công cụ, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST; chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án ĐMST; đánh giá chương trình, đề tài, dự án KH,CN&ĐMST; đánh giá tổ chức KH&CN và tổ chức thúc đẩy ĐMST.

- Thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp; thúc đẩy thương mại hóa và phát triển thị trường công nghệ.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật KH&CN**

***1.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Việc xem xét về phạm vi của Luật KH&CN nhằm mục đích sau:

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của KH,CN&ĐMST trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2022 ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII công nghiệp hóa, hiện đại hóa về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định trúng và đúng các lực lượng chủ lực tham gia hệ thống ĐMST quốc gia để có can thiệp chính sách và quy phạm pháp luật phù hợp, giải phóng tối đa tiềm năng sáng tạo của từng đối tượng, nhất là đối với hoạt động tạo ra tri thức (viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, doanh nghiệp, người dân trong đó viện nghiên cứu, trường đại học là chủ thể chính), ứng dụng tri thức (doanh nghiệp phải là chủ thể trung tâm), truyền bá tri thức trong xã hội (vai trò của các tạp chí khoa học đối với tri thức hàn lâm; bảo tàng khoa học và truyền thông đại chúng đối với khoa học thường thức).

- Tạo hành lang pháp lý thuận lợi và đồng bộ cho hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ, ĐMST, khởi nghiệp ĐMST, đặc biệt khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động ĐMST của khu vực ngoài công lập.

***1.2. Giải pháp***

Đổi tên Luật để mở rộng phạm vi điều chỉnh sang hoạt động ĐMST; bổ sung các chính sách thúc đẩy ứng dụng và đổi mới công nghệ, ĐMST vào phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật; bổ sung, giải thích khái niệm/thuật ngữ: hệ thống ĐMST quốc gia; hệ thống ĐMST vùng; hệ thống ĐMST doanh nghiệp; hoạt động ĐMST, dự án ĐMST.

**2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định chung về hoạt động KH,CN&ĐMST**

***2.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Việc xem xét về phạm vi của Luật KH&CN nhằm mục đích sau:

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của KH,CN&ĐMST trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2022 ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII công nghiệp hóa, hiện đại hóa về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hoàn thiện các thuật ngữ về hoạt động KH,CN&ĐMST để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

- Bảo đảm hiệu quả thực thi chính sách, là cơ sở để thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST của doanh nghiệp, là nền tảng phát triển hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng.

- Có cơ chế, chính sách chung để khuyến khích các thành phần kết nối với doanh nghiệp như viện, trường, tổ chức thúc đẩy ĐMST, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân khác.

***2.2. Giải pháp***

Sửa đổi Luật theo hướng:

- Hoàn thiện các thuật ngữ về hoạt động KH&CN tại Điều 3 Luật KH&CN 2013. Theo đó, cần làm rõ kết quả của nghiên cứu cơ bản là các báo cáo khoa học, các bài báo. Đối với nghiên cứu ứng dụng, kết quả thực hiện nhiệm vụ là các mô hình, bằng sáng chế, chưa phải là sản phẩm để thương mại hóa. Để ứng dụng được vào thực tiễn, kết quả nghiên cứu cần tiếp tục được hoàn thiện thông qua giai đoạn triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất ở quy mô công nghiệp, xây dựng nhãn hiệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn, triển khai tiếp thị thành công mới có thể đưa sản phẩm ra thị trường.

- Bổ sung nội dung về ĐMST trong các nội dung về ứng dụng kết quả nghiên cứu, nguồn lực đầu tư và tài chính, tổ chức trung gian, thị trường KH&CN, thông tin và thống kê,…;

- Bổ sung quy định nguyên tắc về nhiệm vụ của hoạt động KH,CN&ĐMST, trong đó, thể hiện rõ quan điểm mở rộng chính sách tới các đối tượng của hoạt động KH,CN&ĐMST ở khối ngoài công lập ngoài tổ chức KH&CN.

- Bổ sung quy định về đầu ra, sản phẩm của hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung quy định về hệ thống ĐMST quốc gia và hệ thống ĐMST vùng.

**3. Chính sách 3: Thúc đẩy chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST**

***3.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Hoàn thiện quy định về tổ chức KH&CN theo hướng nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức KH&CN; sửa đổi quy định về chức năng của tổ chức KH&CN để mở rộng hoạt động KH&CN cho doanh nghiệp, các tổ chức có hoạt động KH&CN.

- Tách cơ sở giáo dục đại học thành một nội dung riêng để có chính sách đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động, đưa cơ sở giáo dục đại học trở thành chủ thể nghiên cứu mạnh, gắn kết với doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quy định về quyền của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN về tính rủi ro trong nghiên cứu khoa học; bổ sung quy định Chính phủ ban hành quy định về cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập để nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN.

***3.2. Giải pháp***

Chỉnh sửa, bổ sung quy định về điều kiện thành lập, đăng ký tổ chức KH&CN; bổ sung các quy định về tổ chức hỗ trợ ĐMST, cụ thể:

- Làm rõ khái niệm tổ chức KH&CN công lập, tổ chức KH&CN ngoài công lập để có chế định phù hợp cho 02 loại hình tổ chức này. Chỉ quy định đăng ký hoạt động đối với tổ chức KH&CN.

- Điều chỉnh định nghĩa tổ chức KH&CN. Bổ sung định nghĩa tổ chức nghiên cứu, phát triển là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu, phát triển.

- Bổ sung định nghĩa tổ chức thúc đẩy ĐMST.

- Tách biệt cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức có mục tiêu kinh doanh ra khỏi nhóm tổ chức KH&CN. Phân biệt rõ giữa tổ chức KH&CN (tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật) với tổ chức có hoạt động KH&CN nhưng không phải là chức năng chủ yếu. Điều chỉnh quy định theo hướng trường đại học không phải là tổ chức KH&CN mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu.

- Về quyền của tổ chức KH&CN: chỉnh sửa theo hướng chỉ quy định những quyền, nghĩa vụ riêng có đối với tổ chức KH&CN.

- Bổ sung quyền được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quy định về quyền của tổ chức KH&CN công lập được cử cá nhân trong tổ chức KH&CN tham gia điều hành doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu của tổ chức mình.

- Về nghĩa vụ của tổ chức KH&CN: bổ sung quy định tổ chức KH&CN phải ghi chính xác tên cơ quan chủ quản trên giấy tờ giao dịch, biển hiệu vì trên thực tế có những tổ chức ghi trên biển quảng cáo gây hiểu lầm về cơ quan chủ quản nhưng chưa có quy định để xử lý.

- Quy định một số nguyên tắc về tự chủ của tổ chức KH&CN công lập: Nhà nước bảo đảm nguồn chi từ NSNN để đảm bảo sự vận hành theo chức năng của các tổ chức nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ công lập, bảo đảm quyền tự chủ toàn diện của các tổ chức này, trên cơ sở kết quả đánh giá hoạt động được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định về tổ chức KH&CN công lập với cơ chế tự chủ toàn diện về tài chính, về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và hợp tác quốc tế.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện để trả lại đúng chức năng của hoạt động đánh giá KH&CN như một công cụ quản lý cần thiết để kiểm soát hoạt động nghiên cứu, quản trị hiệu quả hơn nguồn lực đầu tư từ ngân sách cho KH&CN nhất là khi đã phân cấp, phân quyền, giúp các tổ chức KH&CN nhận diện được vấn đề yếu kém để khắc phục, hoàn thiện hoạt động cho hiệu quả hơn, điều chỉnh được mô hình hoạt động, quản lý tổ chức và con đường phát triển tiếp theo trong tương lai.

- Bổ sung trách nhiệm kiểm tra hoạt động của tổ chức KH&CN của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức KH&CN.

- Bổ sung các quy định liên quan đến giải thích thuật ngữ tổ chức thúc đẩy ĐMST (tổ chức trung gian) và cơ chế đặc thù cho tổ chức thúc đẩy ĐMST.

**4. Chính sách 4: Phát triển nguồn nhân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST**

***4.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

- Thúc đẩy sự phát triển của nhân lực KH,CN&ĐMST không chỉ ở khu vực hàn lâm (viện nghiên cứu, trường đại học) mà lan tỏa, mở rộng nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST không chỉ trong khu vực công lập (nhân lực quản lý KH,CN&ĐMST, nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên cao học) và ngoài công lập (nhà nghiên cứu độc lập, nhân lực trong doanh nghiệp) để có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng.

***4.2. Giải pháp***

Sửa đổi, bổ sung quy định về nhân lực KH,CN&ĐMST như sau:

- Mở rộng phạm vi điều chỉnh nhân lực hoạt động KH&CN sang nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST và có chính sách phù hợp với từng đối tượng. Quy định các chức danh chung cho nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST trong mọi tổ chức, không phân biệt ở khu vực công lập hay ngoài công lập.

- Xác định cơ chế quản lý, ưu đãi, hỗ trợ tương ứng với các lực lượng nêu trên. Giao Chính phủ quy định chi tiết:

+ Đối với nhân lực quản lý KH,CN&ĐMST: Nhà nước cần bảo đảm nguồn lực để: định kỳ được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức mới về quản trị KH,CN&ĐMST trong nước và ở nước ngoài; đào tạo về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Tham gia giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đồng nghiệp làm quản lý KH,CN&ĐMST ở các nước tiến tiến. Hình thành các cơ sở đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín và năng lực ở trong nước để thực hiện được nhiệm vụ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý KH&CN.

+ Đối với nhân lực trong doanh nghiệp, nhân lực hoạt động độc lập và trong các tổ chức khác: đào tạo về kiến thức về công nghệ, quản trị công nghệ.: hỗ trợ hoàn thiện ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm mới. Đối với nghiên cứu sinh tiến sĩ và học viên cao học: bổ sung học bổng nghiên cứu từ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu phát triển.

+ Đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: bổ sung các nội dung xác định rõ tiêu chí và các chính sách ưu đãi, trọng dụng: điều kiện làm việc, việc sử dụng cơ sở vật chất, huy động nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

+ Đối với nhân lực nghiên cứu trong viện, trường: quy định chức danh trong các tổ chức công lập (theo vị trí việc làm). Giao Chính phủ quy định cụ thể thủ tục, quy trình xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ. Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước.  Trong từng chương trình, đề tài cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu… Và cần dòng ngân sách thỏa đáng hơn cho công việc và nhân lực này.

- Bổ sung quy định cử cán bộ nghiên cứu từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ được cử sang làm việc ở doanh nghiệp. Trong thời gian làm việc ở doanh nghiệp, họ vẫn được giữ nguyên lương, được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng để tạo sự yên tâm trong công việc. Chính sách sẽ giúp cho cán bộ nghiên cứu từ khu vực hàn lâm gắn kết hơn với hoạt động thực tiễn, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp, phục vụ cho xác định hướng nghiên cứu. Đồng thời, cán bộ nghiên cứu sẽ có cơ hội giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu, chuyển giao kiến thức về công nghệ cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

- Bổ sung nghĩa vụ bảo mật thông tin, dữ liệu đối với cá nhân hoạt động KH&CN. Bổ sung quyền, nghĩa vụ của cá nhân hoạt động ĐMST.

- Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu, trong đó quan trọng nhất là yêu cầu về tính trung thực, khách quan và liêm chính học thuật (Luật KH&CN 2013 đề cập rải rác trong các điều 5, 8 và 21 (nguyên tắc hoạt động KH&CN; hành vi bị cấm; nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH&CN), nhưng chưa có một điều riêng quy định vấn đề này. Pháp luật về giáo dục đại học hiện đang giao các cơ sở giáo dục đại học tự quy định và áp dụng nội bộ. Luật KH&CN (sửa đổi) sẽ áp dụng tương tự, nghĩa là sẽ có một điều riêng quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao về cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Vấn đề về rủi ro trong khoa học cần được quy định thành một điều khoản riêng, như một nguyên tắc được chấp nhận trong quản lý hoạt động KH&CN: Cho phép thử nghiệm chính sách đặc thù trong KH&CN. KH&CN luôn là vấn đề thử và sai; vì vậy cần đầu tư tới ngưỡng cho các nhà khoa học và cơ quan chủ trì; đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho tương lai và không thể sinh lời tức thời, trực tiếp. Nhà nước chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, từ đó dỡ bỏ các quy định về nghiệm thu, bồi hoàn kinh phí nếu không đạt tiêu chí đăng ký ban đầu. Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

**5. Chính sách** **5: Tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST**

***5.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề:***

- Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045: có chính sách ưu đãi phù hợp về thuế, tài chính, tín dụng, đất đai... cho nghiên cứu KH&CN; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và triển khai; tạo thuận lợi cho trích lập và sử dụng hiệu quả quỹ đầu tư cho KH,CN&ĐMST của doanh nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho KH,CN&ĐMST đi trước một bước; có lộ trình tăng tỷ lệ chi từ NSNN tính trên GDP cho nghiên cứu và phát triển, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, tiệm cận tỷ lệ bình quân chung của các nước thuộc khối OECD.

- Phân bổ, sử dụng hiệu quả, phù hợp kinh phí dành cho KH,CN&ĐMST; các quỹ dành cho KH,CN&ĐMST. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xác định giá trị tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN để chuyển giao phục vụ ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Huy động nguồn đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST.

***5.2. Giải pháp***

Sửa đổi, bổ sung quy định về tài chính cho hoạt động KH,CN&ĐMST như sau:

- Quy định phê duyệt tổng kinh phí dự kiến cho Chương trình KH&CN trong thời gian 5 năm làm căn cứ xác định kinh phí hằng năm. Đối với kinh phí hằng năm, phê duyệt dự toán kinh phí theo danh mục nhiệm vụ và mức trần kinh phí dự kiến cho từng nhiệm vụ.

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

- Bổ sung quy định về thuế, mua sắm công tại Luật nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KHCN&ĐMST. Sửa đổi, bổ sung quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công phù hợp với đặc thù của hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu.

- Giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì để phối hợp với doanh nghiệp hoàn thiện ý tưởng, thương mại hóa kết quả.

- Bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ từ nguồn ngoài NSNN được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Làm rõ nội hàm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là sáng chế, thiết kế bố trí, bí mật kinh doanh.

- Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, tránh việc trùng lặp nhiệm vụ chi từ NSNN, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia theo hướng: Kinh phí của Quỹ được sử dụng để tài trợ cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng; nhiệm vụ KH&CN cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp; hỗ trợ nâng cao năng lực KH&CN quốc gia. Đồng thời, bỏ chức năng cho vay, bảo lãnh vốn vay do trùng với chức năng của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục tài trợ, hỗ trợ của Quỹ.

- Quy định hai phương án với Quỹ Phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương. Phương án 1: bỏ quy định về quỹ do thời gian qua rất ít bộ, ngành, địa phương thành lập quỹ. Đối với những quỹ đã thành lập thì tiếp tục xin dừng hoạt động do gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả. Phương án 2: sửa đổi quy định theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển KH&CN.

- Bổ sung quy định khuyến khích thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp (không phân biệt loại hình doanh nghiệp).

- Khuyến khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với Nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.

- Quy định về sử dụng kinh phí theo quy định của nhà tài trợ: để thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, quỹ đầu tư ngoài NSNN hoặc tài trợ của các tổ chức quốc tế cho hoạt động KH&CN, đề xuất bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ từ nguồn ngoài ngân sách được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Bổ sung các mục chi có liên quan đến: hoạt động ĐMST; hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, tổ chức KH&CN; học bổng nghiên cứu sinh sau tiến sĩ, học viên cao học; mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung.

- Quy định về bố trí kinh phí dự phòng để kịp thời triển khai nhiệm vụ KH&CN trong tình huống đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết.

- Quy định về tài trợ của doanh nghiệp cho hoạt động KH,CN&ĐMST được tính vào khoản tài trợ[[6]](#footnote-6) của doanh nghiệp để trừ đi khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Quy định chấp nhận rủi ro: các đề tài nghiên cứu mà tổ chức, cá nhân chủ trì đã tuân thủ các quy định, nội dung thuyết minh nhưng không đi đến kết quả theo đặt hàng thì không phải trả lại kinh phí đã sử dụng (tham khảo kinh nghiệm Trung Quốc).

- Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Cần dành kinh phí thỏa đáng hơn cho hoạt động quản lý KH,CN&ĐMST, kể cả kinh phí để chi cho các cơ quan quản lý KH,CN&ĐMST nói chung, quản lý chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nói riêng. Trong từng chương trình, đề tài cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu… Và cần dòng ngân sách thỏa đáng hơn cho công việc và nhân lực này.

- Xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng NSNN cho KH,CN&ĐMST.

- Hoàn thiện quy định về khoán chi thực hiện chương trình, đề tài. Cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới công nghệ và ĐMST sử dụng NSNN. Đối với đề tài, dự án cụ thể sẽ cấp về ngân sách của tổ chức chủ trì thực hiện đề tài để quản lý và chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, nhất là các phòng thí nghiệm, sở vật chất cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Hoàn thiện quy định về cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt.

- Quy định hành lang pháp lý cho các quỹ tài trợ, hỗ trợ KH&CN ngoài NSNN.

- Hoàn thiện các công cụ chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động KH,CN&ĐMST theo hướng quy định các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế để làm căn cứ đề xuất các chính sách cụ thể trong pháp luật về thuế. Sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng đối với hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung các mục chi có liên quan đến: dự án ĐMST, hoạt động ĐMST; hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sinh; bổ sung thêm quy định về lập dự toán cho các chương trình KH&CN; bổ sung mục chi liên quan đến mua bản quyền xuất bản, quyền sở hữu sáng chế để hỗ trợ tổ chức/cá nhân nghiên cứu, sử dụng chung.

- Sửa đổi quy định về Quỹ Phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương (bỏ quy định tại Điều 61 Luật KH&CN 2013 quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Quỹ phát triển KH&CN của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để bảo đảm không phát sinh bộ máy, tồn đọng kinh phí. Quỹ sẽ tiến hành giải thể như đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Phương án 2: không quy định bắt buộc, những bộ, ngành, địa phương nào có thể lựa chọn thành lập quỹ hoặc không thành lập quỹ.

- Chia 2 loại hình nhiệm vụ để có công cụ hỗ trợ phù hợp: (1) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, công cụ hỗ trợ là kinh phí triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu; (2) Đối với dự án ĐMST, công cụ hỗ trợ là thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị cho nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ phòng thử nghiệm để đo đạc các thông số, hoàn thiện sản phẩm.

**6. Chính sách 6: Phát triển hạ tầng KH, CN và ĐMST**

***6.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST (Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiêp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Cập nhật các đối tượng, bổ sung các cơ chế chính sách để huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ KH,CN&ĐMST.

***6.2. Giải pháp***

Bổ sung, cập nhật các thành tố của hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST; hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn tiếp cận với cơ sở hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian của thị trường công nghệ tăng cường kết nối cung cầu công nghệ.

**7. Chính sách 7: Phát triển thông tin KH,CN&ĐMST**

***7.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST (Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiêp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường đầu tư cho việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin. Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và chia sẻ dữ liệu thông tin KH,CN&ĐMST.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

***7.2. Giải pháp***

- Bổ sung, cập nhật các quy định về đầu tư cho việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin. Hoàn thiện quy định về thống kê KH&CN chưa phục vụ hiệu quả cho hoạt nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Bổ sung quy định để thúc đẩy đầu tư nâng cao tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST từ nguồn kinh phí ngoài NSNN. Bổ sung các quy định về chuyển đổi số trong KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung vấn đề kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, thông tin giả mạo trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là trong thời kỳ bùng nổ trí tuệ nhân tạo (AI) như hiện nay.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

**8. Chính sách 8: Hoàn thiện quy định về chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

***8.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Hoàn thiện quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN theo hướng phân định, tách biệt loại hình hoạt động KH,CN&ĐMST, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục triển khai quản lý, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên cơ sở hoàn thiện các quy định liên quan đến phê duyệt, ký hợp đồng, cơ chế đặt hàng, đề xuất thực hiện đề tài.

 - Làm rõ, đổi mới cách thức triển khai theo hai phương thức do Nhà nước đặt hàng và do tổ chức, cá nhân đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước để có cơ chế giao kết quả phù hợp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN. Cần xác định lại cách tiếp cận, đó là doanh nghiệp mới là chủ thể trung tâm và chủ đạo trong ứng dụng các kết quả KH&CN, biến nó trở thành sản phẩm, hàng hóa và giá trị gia tăng, tạo ra của cải, vật chất cho xã hội.

- Hoàn thiện quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN.

***8.2. Giải pháp***

Chỉnh sửa, bổ sung các quy định tại Luật theo các nội dung sau:

- Hoàn thiện quy định về tiêu chí phân loại đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Nhà nước đặt hàng theo từng cấp độ gắn với mức trần kinh phí do Nhà nước đầu tư.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý các chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia. Hoàn thiện quy định theo hướng Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tổng hợp các chương trình KH&CN quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đối với một số Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Đối với một số chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hoàn thiện, bổ sung quy định về Chương trình KH&CN cấp quốc gia: nguyên tắc quản lý, các bước, quy trình quản lý nhiệm vụ thuộc Chương trình, vai trò, mối quan hệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì Chương trình.

- Làm rõ hai loại hình nhiệm vụ KH&CN là nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng và nhiệm vụ do Nhà nước tài trợ do tổ chức đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước. Đồng thời, xây dựng quy trình triển khai đặc thù, phù hợp đối với từng loại nhiệm vụ, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian, quy trình đề xuất nhiệm vụ và gắn việc nghiên cứu với triển khai ứng dụng kết quả.

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp SMEs; hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế quan và phi thuế quan.

- Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục rút gọn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp.

- Bổ sung cơ chế khuyến khích, thu hút các hoạt động KH&CN cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi (ưu đãi đối với nhân lực…).

- Bổ sung quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

**9. Chính sách 9: Tăng cường kết nối, nâng cao hiệu quả của các dự án ĐMST**

***9.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Quy định hành lang pháp lý dành riêng cho dự án đổi mới sáng tạo (trình tự, thủ tục phê duyệt dự án; nội dung chi), tách biệt với đề tài KH&CN.

***9.2. Giải pháp***

- Bổ sung khái niệm dự án ĐMST

- Bổ sung quy định đặc thù về việc quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện dự án ĐMST để tách biệt với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và bảo đảm nguyên tắc trình tự, thủ tục được quy định phù hợp với tính chất của dự án ĐMST.

- Bổ sung quy định về nội dung chi cho dự án ĐMST.

**10. Chính sách 10: Thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp**

***10.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Thể chế hóa chủ trương của Đảng về việc nâng cao năng lực của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

***10.2. Giải pháp***

Hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng:

Cần hình thành một loạt các chương trình mới hỗ trợ và đồng hành với doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực đối ứng từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện. Hoàn thiện quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia NATIF để thực hiện có hiệu quả cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

 Chính sách lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối; đề tài nghiên cứu sinh thạc sỹ và tiến sỹ để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;… Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp.

 Sáng kiến thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả KH&CN và cung cấp dịch vụ KH&CN chất lượng cao.

- Vấn đề xử lý tài sản hình thành trước, trong và sau khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN mà bên tham gia là doanh nghiệp.

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm mới, chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường và phát triển. Về chính sách ĐMST; Dịch vụ tư vấn kinh doanh (BAS), dịch vụ đổi mới công nghệ (TES), trung tâm công nghệ, và văn phòng chuyển giao công nghệ. Dịch vụ tư vấn kinh doanh tập trung nâng cao năng lực hấp thụ để áp dụng công nghệ, trong khi dịch vụ đổi mới công nghệ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ.

- Bổ sung, làm rõ các thuật ngữ, các thành tố, có các cơ chế, chính sách phù hợp, vượt trội để hỗ trợ ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia trong Luật; chuyển sang tập trung nhiều hơn vào khuyến khích, đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ doanh nghiệp tư nhân, xã hội để tổ chức tốt hơn các chiến lược, chính sách về ĐMST, đưa ý tưởng, kết quả nghiên cứu, quy trình mới, sản phẩm mới, mô hình tổ chức, kinh doanh mới vào thực tiễn.

- Bổ sung các chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

 **11. Chính sách 11: Thúc đẩy thương mại hóa kết quả KH&CN và phát triển thị trường công nghệ**

***11.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Xây dựng chính sách để thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

***11.2. Giải pháp***

Sửa đổi Luật theo hướng:

- Bổ sung quy định về giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để hoàn thiện, thương mại hóa.

- Bổ sung quy định về dự án ĐMST cùng với các chính sách phù hợp để thúc đẩy nguồn sản phẩm đầu vào cho thị trường công nghệ.

- Bổ sung quy định các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm để thương mại hóa như: Hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, tiến tới phát triển công nghệ.

- Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ: Các tổ chức đánh giá công nghệ, thẩm định giá công nghệ, hỗ trợ kết nối cung, cầu công nghệ, các trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong trường đại học.

- Bổ sung quy định tăng cường hợp tác viện, trường và doanh nghiệp. Quy định doanh nghiệp được cử nhân lực sang làm việc ở viện nghiên cứu, trường đại học để giới thiệu về kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kết quả nghiên cứu và tìm hiểu nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp. Đồng thời, tiếp nhận nhân lực từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ sang làm việc tại doanh nghiệp.

- Đầu tư, phát triển sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về công nghệ, bản đồ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động tìm hiểu, hoàn thiện, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

**12. Chính sách 12: Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

***12.1.******Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Cần đánh giá xác thực bức tranh tổng thể hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam để có các điều chỉnh can thiệp chính sách ngắn hạn và trong dài hạn, để nó thực sự hấp dẫn hơn, có tính cạnh tranh hơn, năng động hơn, giàu sinh lực hơn mới hy vọng nâng cao số lượng và chất lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam, tăng trưởng nhanh trên thị trường trong nước và đi ra thế giới. Khởi nghiệp sáng tạo cần được ươm mầm, nuôi dưỡng và thúc đẩy phát triển trong một hệ sinh thái khởi nghiệp, gồm các thành tố quan trọng sau:

i) Chính phủ (với vai trò tạo môi trường chính sách thúc đẩy khởi nghiệp thuận lợi);

ii) Nguồn lực tài chính cho khởi nghiệp (các định chế tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần);

iii) Hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp (hạ tầng giao thông, viễn thông; không gian làm việc chung; đội ngũ huấn luyện, tư vấn, cố vấn khởi nghiệp);

iv) Nguồn nhân lực chất lượng cao và nguồn cung cấp ý tưởng mới cho khởi nghiệp (vai trò của trường đại học);

v) Thị trường cho khởi nghiệp (vai trò kết nối của Chính phủ và các doanh nghiệp lớn để các doanh nghiệp khởi nghiệp, vốn là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có thể tham gia sân chơi chung và tiếp cận các chuỗi giá trị toàn cầu);

vi) Văn hóa khởi nghiệp, văn hóa đổi mới sáng tạo (khuyến khích suy nghĩ khác biệt và chấp nhận sự khác biệt; dũng cảm đương đầu với rủi ro và bao dung với thất bại).

- Nâng cao năng lực, hoạt động của các thành phần trong hệ sinh thái KNST, bao gồm các tổ chức công lập và ngoài công lập.

- Thu hút, kết nối, tạo cơ hội để các tổ chức ngoài công lập, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hệ sinh KNST.

***12.2. Giải pháp***

Sửa đổi Luật theo hướng:

- Bổ sung khái niệm liên quan đến KNST, doanh nghiệp KNST, hệ sinh thái KNST.

- Bổ sung quy định xác định các đối tượng, thành phần của hệ sinh KNST và vai trò, mối liên kết của các đối tượng trong hệ sinh thái.

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các nguồn lực ngoài công lập tham gia, đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái KNST.

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ KNST.

- Bổ sung quy định cho phép các trung tâm bảo lãnh tổ chức thực hiện thử nghiệm, thí điểm triển khai các giải pháp, dịch vụ, sản phẩm mới; Cơ chế cho phép trung tâm khai thác hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, không gian thử nghiệm sẵn có; sử dụng nguồn tài chính hợp pháp để thí điểm đầu tư, cùng đầu tư vốn mồi cho doanh nghiệp KNST tiềm năng, hoặc góp vốn vào các quỹ đầu tư KNST.

**13. Chính sách 13: Đánh giá chương trình, đề tài, đánh giá tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST**

***13.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Triển khai nhiệm vụ của Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030: Đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động KH,CN&ĐMST của các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.

- Hoàn thiện quy định về đánh giá KH&CN làm căn cứ triển khai trong thực tiễn.

***13.2. Giải pháp***

Sửa đổi Luật theo hướng:

- Bổ sung nguyên tắc đánh giá chung cho tất cả các tổ chức và mục đích đánh giá.

- Rà soát, viết lại theo hướng đánh giá chung cho các tổ chức - cơ bản như cũ phục vụ xếp hạng và để các tổ chức tham khảo, xếp hạng, phục vụ hỗ trợ, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động, phục vụ cho các hoạt động hợp tác.

- Bổ sung quy định việc đánh giá do tổ chức đánh giá độc lập hoặc hiệp hội thực hiện và mang tính khuyến khích, không áp đặt.

- Bổ sung thêm các quy định về: đánh giá chương trình KH&CN làm căn cứ trình thủ tướng phê duyệt chương trình, cấp kinh phí, đánh giá hiệu quả của chương trình, làm căn cứ điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt chương trình; bổ sung quy định về đánh giá tổ chức KH&CN công lập là căn cứ để cấp kinh phí hoạt động.

- Bổ  sung quy định về đánh giá tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST để phục vụ cho tổ chức được đánh giá, phục vụ cho cung cấp thông tin về năng lực, phục vụ cho xếp hạng (trên cơ sở tự nguyện).

- Bổ sung quy định các tổ chức KH&CN công lập, các chương trình KH&CN sử dụng NSNN phải tự đánh giá hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hệ thống phần mềm.

- Bổ sung nội dung kinh phí liên quan đến đánh giá.

**14. Chính sách 14. Thúc đẩy phổ biến, lan tỏa tri thức**

***14.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thúc đẩy việc lan tỏa tri thức KH&CN, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Cung cấp hành trang cho doanh nghiệp cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường quốc tế.

- Thông tin khoa học dễ tiếp cận hơn giúp học sinh, sinh viên và người học nghề nắm bắt được những tiến bộ mới, từ đó phát triển năng lực và sự hiểu biết trong cộng đồng, nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng môi trường khoa học mở phục vụ phát triển bền vững.

***14.2. Giải pháp***

Cụ thể hóa các quy định về truyền thông KH&CN để tăng cường hiệu quả truyền bá thông tin về hoạt động KH&CN. Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày KH&CN Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng cao vào đời sống. Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông về KH,CN&ĐMST.

Các hoạt động cụ thể:

- Xây dựng cơ chế, biện pháp truyền thông phù hợp, hiệu quả cho tri thức KH&CN, nhất là khoa học thường thức, nhằm giúp cho các nhóm đối tượng khác nhau hiểu rõ về vai trò của KH&CN;

- Có cơ chế chia sẻ tri thức KH&CN, xây dựng chính sách khoa học mở;

- Có các chương trình cụ thể nhằm thúc đẩy nuôi dưỡng đam mê khoa học và ĐMST cho cộng đồng, đặc biệt là người trẻ để lan tỏa tình yêu khoa học, yêu nghiên cứu và khám phá;

- Có cơ chế đầu tư, nhất là xã hội hóa để đầu tư các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học.

**15. Chính sách 15:** **Hoàn thiện quy định để thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

***15.1. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng về vai trò của KH,CN&ĐMST trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2022 ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII công nghiệp hóa, hiện đại hóa về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tạo hành lang pháp lý thuận lợi và đồng bộ cho hoạt động ĐMST, khởi nghiệp ĐMST, đặc biệt, khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động ĐMST của khu vực tư nhân

- Bảo đảm lợi ích, tránh bất bình đẳng xã hội;

- Đưa công nghệ trở thành công cụ, động lực cho phát triển công nghiệp, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

***15.2. Giải pháp***

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

- Bổ sung quy định về việc bảo đảm nguồn lực cùng với cơ chế tài chính phù hợp và linh hoạt cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung chính sách để khuyến khích các cá nhân tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA VÀ VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

**1.** Về nguồn kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật sau khi được thông qua chủ yếu gồm: kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, kinh phí tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật…); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất. Nguồn kinh phí triển khai chính sách hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp ĐMST; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ; kinh phí cho nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kinh phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST.

Các khoản chi này sẽ nằm trong tổng chi ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hằng năm và nhiều nội dung đã được Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai trong thực tiễn thông qua các chương trình, nhiệm vụ KH&CN có nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN.

**2.** Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50- KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

**3.** Về vấn đề cần xin ý kiến của Chính phủ

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA**

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét cho ý kiến, thông qua Luật: tháng 5/2025.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật KH&CN (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(*Xin gửi kèm theo*: (i) Đề cương Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi); (iii) Báo cáo tổng kết thi hành Luật KH&CN 2013)./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Lưu: VT, PC. | BỘ TRƯỞNG |

1. Theo bảng xếp hạng hệ sinh thái startup các quốc gia năm 2022 của StartupBlink. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2022 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO công bố [↑](#footnote-ref-2)
3. Thống kê trên ISIKNOWLEDGE. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đến 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đến 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tại điểm n khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14/11/2022 quy định: Khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Tại điểm n khoản 2 Điều 9 Nghị định số [218/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-218-2013-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-217811.aspx) ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số [91/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-91-2014-nd-cp-sua-doi-bo-sung-nghi-dinh-quy-dinh-thue-251430.aspx) ngày 01/10/2014; Nghị định số [12/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-12-2015-nd-cp-huong-dan-luat-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-cac-luat-ve-thue-266168.aspx) ngày 12/02/2015; Nghị định số [146/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-146-2017-nd-cp-sua-doi-bo-sung-nghi-dinh-100-2016-nd-cp-nghi-dinh-12-2015-nd-cp-355919.aspx) ngày 15/12/2017 quy định *khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp*.Tổ chức nhận khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học quy định tại điểm này *là* ***tổ chức KH&CN*** *thành lập và hoạt động theo Luật KH&CN thực hiện* ***nhiệm vụ KH&CN*** *theo quy định của pháp luật về KH&CN*. [↑](#footnote-ref-6)